**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤNTHEO CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**A- LĨNH VỰC NIÊM YẾT VÀ THỰC HIỆN GIẢI QUYẾT TẠI BỘ PHẬN TIẾP NHẬN VÀ HẸN TRẢ KẾT QUẢ**

| **TT** | **TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH** | **MÃ QUY TRÌNH** | **QĐ CÔNG BỐ TTHC** | **QĐ PHÊ DUYỆT QT NỘI BỘ** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **LĨNH VỰC DÂN SỐ (01 TTHC)** |
|  | Thủ tục:Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số. | QT-DS-01 | Quyết định 3097/QĐ-UBND ngày 10/06/2019 của UBND TP Hà Nội |  |
| **LĨNH VỰC ĐỊA CHÍNH (11 TTHC)** |
|  | Thủ tục: Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu. | - | Quyết định 3632/QĐ-UBND ngày 18/08/2020 của UBND TP Hà Nội(Đính chính theo Thông báo 313/TB-VP ngày 21/08/2020 của UBND TP Hà Nội) |  |
|  | Thủ tục: Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp giấy chứng nhận. | - |  |
|  | Thủ tục: Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề. | - |  |
|  | Thủ tục: Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế. | - |  |
|  | Thủ tục: Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu. | - |  |
|  | Thủ tục: Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất làn đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất. | - |  |
|  | Thủ tục: Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp. | - |  |
|  | Thủ tục: Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý. | - |  |
|  | Thủ tục: Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trông các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận. | - |  |
|  | Thủ tục: Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp. | - |  |
|  | Thủ tục: Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân. | - |  |
| **LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG (04 TTHC)** |
|  | Thủ tục:Tham vấn ý kiến trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường. | QT-TNMT-01 | Quyết định 116/QĐ-UBND ngày 09/01/2020 của UBND TP Hà Nội | Quyết định 1368/QĐ-UBND ngày 06/04/2020 của UBND TP Hà Nội |
|  | Thủ tục:Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích. | QT-TNMT-02 | Quyết định 4128/QĐ-UBND ngày 13/08/2018 của UBND TP Hà Nội |
|  | Thủ tục:Đăng ký khai thác nước dưới đất. | QT-TNMT-03 | Quyết định 8430/QĐ-UBND ngày 05/12/2017 của UBND TP Hà Nội |
|  | Thủ tục:Lấy ý kiến UBND cấp xã đối với dự án đầu tư chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh. | QT-TNMT-04 |
| **LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA (10 TTHC)** |
|  | Thủ tục:Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa. | QT-ĐTNĐ-01 | Quyết định 7130/QĐ-UBND ngày 17/12/2019 của UBND TP Hà Nội | Quyết định 1094/QĐ-UBND ngày 17/03/2020 của UBND TP Hà Nội |
|  | Thủ tục:Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa. | QT-ĐTNĐ-02 |
|  | Thủ tục:Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật. | QT-ĐTNĐ-03 |
|  | Thủ tục:Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện. | QT-ĐTNĐ-04 |
|  | Thủ tục:Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện. | QT-ĐTNĐ-05 |
|  | Thủ tục:Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc thay đổi hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác. | QT-ĐTNĐ-06 |
|  | Thủ tục:Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện. | QT-ĐTNĐ-07 |
|  | Thủ tục:Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa. | QT-ĐTNĐ-08 |
|  | Thủ tục:Xoá giấy chứng nhận đăng ký phương tiện. | QT- ĐTNĐ-09 |
|  | Thủ tục:Xác nhận việc trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung. | QT-ĐTNĐ-10 |
| **LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO (05 TTHC)** |
|  | Thủ tục:Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học. | QT-GDĐT-01 | Quyết định 1510/QĐ-UBND ngày 14/04/2020 của UBND TP Hà Nội | Quyết định 2876/QĐ-UBND ngày 02/07/2020 của UBND TP Hà Nội |
|  | Thủ tục: Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập. | QT-GDĐT-02 |
|  | Thủ tục: Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại. | QT-GDĐT-03 |
|  | Thủ tục: Sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập. | QT-GDĐT-04 |
|  | Thủ tục:Giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập. | QT-GDĐT-05 |
| **LĨNH VỰC LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI (53 TTHC)** |
| **I. LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI (16 TTHC)** |  |
| **I-A. LIÊN THÔNG CẤP THÀNH PHỐ (02 TTHC)** |  |
|  | Thủ tục:Tiếp nhận đối tượng là người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn vào cơ sở trợ giúp trẻ em. | QT-BTXH-01 | Quyết định 6395/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của UBND TP Hà Nội | Quyết định 4396/QĐ-UBND ngày 19/8/2019 của UBND TP Hà Nội |
|  | Thủ tục:Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp thành phố. | QT-BTXH -02 |
| **I-B. LIÊN THÔNG CẤP HUYỆN (06 TTHC)** |  |
|  | Thủ tục:Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện. | QT-BTXH -03 | Quyết định 6395/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của UBND TP Hà Nội | Quyết định 4396/QĐ-UBND ngày 19/8/2019 của UBND TP Hà Nội |
|  | Thủ tục:Thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc Thành phố. | QT-BTXH -04 |
|  | Thủ tục:Thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc Thành phố. | QT-BTXH-05 |
|  | Thủ tục:Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội (được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng). | QT-BTXH-06 |
|  | Thủ tục:Hỗ trợ kinh phí nhận nuôi dưỡng, chăm sóc đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp. | QT-BTXH-07 |
|  | Thủ tục:Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng. | QT-BTXH-16 | Quyết định 1898/QĐ-UBND ngày 19/04/2019 của UBND TP Hà Nội |
| **I-C. THỦ TỤC THỰC HIỆN TẠI XÃ (08 TTHC)** |  |
|  | Thủ tục:Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở. | QT-BTXH-08 | Quyết định 6395/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của UBND TP Hà Nội | Quyết định 4396/QĐ-UBND ngày 19/8/2019 của UBND TP Hà Nội |
|  | Thủ tục:Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ chi phí mai táng. | QT-BTXH-09 |
|  | Thủ tục:Xác nhận hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2016-2020 thuộc diện đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế. | QT-BTXH-10 |
|  | Thủ tục:Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật. | QT-BTXH-11 | Quyết định 4393/QĐ-UBND ngày 19/08/2019 của UBND TP Hà Nội |
|  | Thủ tục:Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật. | QT-BTXH-12 |
|  | Thủ tục:Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn. | QT-BTXH-13 | Quyết định6395/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của UBND TP Hà Nội |
|  | Thủ tục:Công nhận hộ nghèo, cận nghèo phát sinh trong năm. | QT-BTXH-14 | Quyết định 1898/QĐ-UBND ngày 19/04/2019 của UBND TP Hà Nội |
|  | Thủ tục:Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trong năm. | QT-BTXH-15 |
| **II. LĨNH VỰC BẢO VỆ, CHĂM SÓC TRẺ EM (06 TTHC)** |  |
|  | Thủ tục:Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em. | QT-CSTE-01 | Quyết định 6395/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của UBND TP Hà Nội | Quyết định 4396/QĐ-UBND ngày 19/8/2019 của UBND TP Hà Nội |
|  | Thủ tục:Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em. | QT-CSTE -02 |
|  | Thủ tục:Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. | QT-CSTE -03 |
|  | Thủ tục:Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em. | QT-CSTE -04 |
|  | Thủ tục:Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em. | QT-CSTE -05 |
|  | Thủ tục:Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế. | QT-CSTE -06 |
| **III. LĨNH VỰC LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG VÀ QUAN HỆ LAO ĐỘNG(01 TTHC) – LIÊN THÔNG CẤP THÀNH PHỐ** |  |
|  | Thủ tục:Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm-pu-chia. | QT-QHLĐ-01 | Quyết định 6395/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của UBND TP Hà Nội | Quyết định 4396/QĐ-UBND ngày 19/8/2019 của UBND TP Hà Nội |
| **IV. LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG (24 TTHC)** |  |
| **IV-A. LIÊN THÔNG VỚI CẤP TRUNG ƯƠNG (04 TTHC)** |  |
|  | Thủ tục:Xác nhận liệt sĩ. | QT-NCC-01 | Quyết định 6395/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của UBND TP Hà Nội | Quyết định 4396/QĐ-UBND ngày 19/8/2019 của UBND TP Hà Nội |
|  | Thủ tục:Xác nhận liệt sĩ đối với người thuộc lực lượng quân đội, công an hy sinh trong chiến tranh từ ngày 31/12/1991 trở về trước không còn giấy tờ. | QT-NCC-02 |
|  | Thủ tục:Xác nhận liệt sĩ đối với người không thuộc lực lượng quân đội, công an hy sinh trong chiến tranh từ ngày 31/12/1991 trở về trước không còn giấy tờ. | QT-NCC-03 |
|  | Thủ tục:Đổi hoặc cấp lại Bằng Tổ quốc ghi công. | QT-NCC-04 |
| **IV-B. LIÊN THÔNG CẤP THÀNH PHỐ (18 TTHC)** |  |
|  | Thủ tục:Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến. | QT-NCC-05 | Quyết định 6395/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của UBND TP Hà Nội | Quyết định 4396/QĐ-UBND ngày 19/8/2019 của UBND TP Hà Nội |
|  | Thủ tục:Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến. | QT-NCC-06 |
|  | Thủ tục:Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Bà mẹ Việt Nam anh hùng. | QT-NCC-07 |
|  | Thủ tục:Giải quyết chế độ đối với thân nhân liệt sĩ. | QT-NCC-08 |
|  | Thủ tục:Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ. | QT-NCC-09 |
|  | Thủ tục:Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ. | QT-NCC-10 |
|  | Thủ tục:Xác nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với người bị thương không thuộc lực lượng công an, quân đội trong chiến tranh từ ngày 31/12/1991 trở về trước không còn giấy tờ. | QT-NCC-11 |
|  | Thủ tục:Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng. | QT-NCC-12 |
|  | Thủ tục:Giải quyết chế độ đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến. | QT-NCC-13 |
|  | Thủ tục:Giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học. | QT-NCC-14 |
|  | Thủ tục:Giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học. | QT-NCC-15 |
|  | Thủ tục:Giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày. | QT-NCC-16 |
|  | Thủ tục:Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế. | QT-NCC-17 |
|  | Thủ tục:Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. | QT-NCC-18 |
|  | Thủ tục:Giải quyết trợ cấp tiền tuất hàng tháng khi người có công từ trần. | QT-NCC-19 |
|  | Thủ tục:Hồ sơ, thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến được tặng huân chương chết trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi. | QT-NCC-20 |
|  | Thủ tục:Thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ. | QT-NCC-21 |
|  | Thủ tục:Giải quyết mai táng phí, trợ cấp một lần khi người có công với cách mạng từ trần. | QT-NCC-22 |
| **IV-C. THỦ TỤC THỰC HIỆN TẠI XÃ(02 TTHC)** |  |
|  | Thủ tục:Xác nhận vào đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ; đơn đề nghị thăm viếng mộ liệt sĩ. | QT-NCC-23 | Quyết định 6395/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của UBND TP Hà Nội | Quyết định 4396/QĐ-UBND ngày 19/8/2019 của UBND TP Hà Nội |
|  | Thủ tục:Ủy quyền hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi. | QT-NCC-24 |
| **V. LĨNH VỰC PHÒNG, CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI (03 TTHC)** |  |
|  | Thủ tục:Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân. | QT-PCTN-01 | Quyết định 6395/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của UBND TP Hà Nội | Quyết định 4396/QĐ-UBND ngày 19/8/2019 của UBND TP Hà Nội |
|  | Thủ tục:Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình. | QT-PCTN-02 |
|  | Thủ tục:Quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng. | QT-PCTN-03 |
| **VI. LĨNH VỰC VIỆC LÀM (03 TTHC)** |  |
|  | Thủ tục: Hỗ trợ hộ kinh doanh phải tạm ngừng kinh doanh do đại dịch Covid-19. | - | Quyết định 2433/QĐ-UBND ngày 15/06/2020 của UBND TP Hà Nội | Quyết định 2855/QĐ-UBND ngày 30/06/2020 của UBND TP Hà Nội |
|  | Thủ tục: Hỗ trợ người lao động bị chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc do đại dịch Covid-19 nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp. | - |
|  | Thủ tục: Hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng bị mât việc làm do đại dịch Covid-19. | - |
| **LĨNH VỰC NỘI VỤ (15 TTHC)** |
| **I. LĨNH VỰC THI ĐUA KHEN THƯỞNG (05 TTHC)** |  |
|  | Thủ tục:Tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị. | QT-TĐKT-01 | Quyết định 5819/QĐ-UBND ngày 18/10/2019 của UBND TP Hà Nội | Quyết định 7465/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của UBND TP Hà Nội |
|  | Thủ tục:Tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề. | QT-TĐKT-02 |
|  | Thủ tục:Tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đột xuất. | QT-TĐKT-03 |
|  | Thủ tục:Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho gia đình. | QT-TĐKT-04 |
|  | Thủ tục: Tặng danh hiệu Lao động tiên tiến. | QT-TĐKT-05 |
| **II. LĨNH VỰC TÍN NGƯỠNG VÀ TÔN GIÁO (10 TTHC)** |  |
|  | Thủ tục:Đăng ký hoạt động tín ngưỡng. | QT-TG-01 | Quyết định 3831/QĐ-UBND ngày 30/07/2018 của UBND TP Hà Nội | Quyết định 317/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của UBND TP Hà Nội |
|  | Thủ tục: Đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng. | QT-TG-02 |
|  | Thủ tục:Đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung. | QT-TG-03 |
|  | Thủ tục:Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã. | QT-TG-04 |
|  | Thủ tục:Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã. | QT-TG-05 |
|  | Thủ tục:Đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung. | QT-TG-06 |
|  | Thủ tục:Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã. | QT-TG-07 |
|  | Thủ tục:Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác. | QT-TG-08 |
|  | Thủ tục:Thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung. | QT-TG-09 |
|  | Thủ tục:Thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc. | QT-TG-10 |
| **LĨNH VỰC THANH TRA (04 TTHC)** |
|  | Thủ tục:Tiếp công dân tại cấp xã. | QT-TTr-01 | Quyết định 2218/QĐ-UBND ngày 09/05/2016 của UBND TP Hà Nội |  |
|  | Thủ tục:Xử lý đơn tại cấp xã. | QT-TTr-02 |  |
|  | Thủ tục:Giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã. | QT-TTr-03 |  |
|  | Thủ tục:Giải quyết tố cáo tại cấp xã. | QT-TTr-04 |  |
| **LĨNH VỰC TƯ PHÁP (40 TTHC)** |
| **I. LĨNH VỰC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC (01 TTHC)** |  |
|  | Thủ tục:Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại. | QT-BTNN-01 | Quyết định 4304/QĐ-UBND ngày 13/08/2019 của UBND TP Hà Nội | Quyết định 805/QĐ-UBND ngày 19/02/2020 của UBND TP Hà Nội |
| **II. LĨNH VỰC CHỨNG THỰC (11 TTHC)** |  |
|  | Thủ tục: Cấp bản sao từ sổ gốc. | QT-LVCT-01 | Quyết định 4304/QĐ-UBND ngày 13/08/2019 của UBND TP Hà Nội | Quyết định 805/QĐ-UBND ngày 19/02/2020 của UBND TP Hà Nội |
|  | Thủ tục: Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận. | QT-LVCT-02 |
|  | Thủ tục: Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được). | QT-LVCT-03 |
|  | Thủ tục: Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung hủy bỏ hợp đồng giao dịch. | QT-LVCT-04 |
|  | Thủ tục: Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng giao dịch. | QT-LVCT-05 |
|  | Thủ tục: Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng giao dịch đã được chứng thực. | QT-LVCT-06 |
|  | Thủ tục: Chứng thực hợp đồng giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở. | QT-LVCT-07 |
|  | Thủ tục: Chứng thực di chúc. | QT-LVCT-08 |
|  | Thủ tục:Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản. | QT-LVCT-09 |
|  | Thủ tục: Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở. | QT-LVCT-10 |
|  | Thủ tục: Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở. | QT-LVCT-11 |
| **III. LĨNH VỰC HỘ TỊCH (16 TTHC)** |  |
|  | Thủ tục:Đăng ký khai sinh (Cấp 2; 3). | QT-HT-01 | Quyết định 4304/QĐ-UBND ngày 13/08/2019 của UBND TP Hà Nội | Quyết định 805/QĐ-UBND ngày 19/02/2020 của UBND TP Hà Nội |
|  | Thủ tục:Đăng ký kết hôn (Cấp 2; 3). | QT-HT-02 |
|  | Thủ tục:Đăng ký nhận cha, mẹ, con. | QT-HT-03 |
|  | Thủ tục:Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con. | QT-HT-04 |
|  | Thủ tục:Đăng ký khai tử. | QT-HT-05 |
|  | Thủ tục:Đăng ký khai sinh lưu động. | QT-HT-06 |
|  | Thủ tục:Đăng ký kết hôn lưu động. | QT-HT-07 |
|  | Thủ tục:Đăng ký khai tử lưu động. | QT-HT-08 |
|  | Thủ tục:Đăng ký giám hộ (Cấp 2; 3). | QT-HT-09 |
|  | Thủ tục:Đăng ký chấm dứt giám hộ (Cấp 2; 3). | QT-HT-10 |
|  | Thủ tục:Thay đổi, cải chính bổ sung hộ tịch. | QT-HT-11 |
|  | Thủ tục:Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân (Cấp 2; 3). | QT-HT-12 |
|  | Thủ tục:Đăng ký lại khai sinh. | QT-HT-13 |
|  | Thủ tục:Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân. | QT-HT-14 |
|  | Thủ tục:Đăng ký lại kết hôn (Cấp 2; 3). | QT-HT-15 |
|  | Thủ tục:Đăng ký lại khai tử. | QT-HT-16 |
| **IV. LĨNH VỰC HÒA GIẢI CƠ SỞ (05 TTHC)** |  |
|  | Thủ tục:Công nhận hòa giải viên. | QT-HGCS-01 | Quyết định 4304/QĐ-UBND ngày 13/08/2019 của UBND TP Hà Nội | Quyết định 805/QĐ-UBND ngày 19/02/2020 của UBND TP Hà Nội |
|  | Thủ tục:Công nhận tổ trưởng tổ hòa giải. | QT-HGCS-02 |
|  | Thủ tục:Thôi làm hòa giải viên. | QT-HGCS-03 |
|  | Thủ tục:Thanh toán thù lao hòa giải viên. | QT-HGCS-04 |
|  | Thủ tục:Thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải.*(Thủ tục liên thông).* | QT-HGCS-05 |
| **V. LĨNH VỰC KHAI SINH LIÊN THÔNG (02 TTHC)** |  |
|  | Thủ tục:Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm Y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi *(trường hợp trẻ có cha, mẹ hoặc người nuôi dưỡng có đăng ký thường trú trên địa bàn cấp huyện).* | QT-KSLT-01 | Quyết định 4304/QĐ-UBND ngày 13/08/2019 của UBND TP Hà Nội | Quyết định 805/QĐ-UBND ngày 19/02/2020 của UBND TP Hà Nội |
|  | Thủ tục:Đăng ký khai sinh, cấp thẻ bảo hiểm Y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi *(trường hợp trẻ có cha, mẹ hoặc người nuôi dưỡng không có đăng ký thường trú mà chỉ có đăng ký tạm trú trên địa bàn cấp huyện).* | QT-KSLT-02 |
| **VI. LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI (02 TTHC)** |  |
|  | Thủ tục:Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước. | QT-NCN-01 | Quyết định 4304/QĐ-UBND ngày 13/08/2019 của UBND TP Hà Nội | Quyết định 805/QĐ-UBND ngày 19/02/2020 của UBND TP Hà Nội |
|  | Thủ tục:Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước. | QT-NCN-02 |
| **VII. LĨNH VỰC PHỔ BIẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT (02 TTHC)** |  |
|  | Thủ tục:Công nhận tuyên truyền viên pháp luật. | QT-PBGD-01 | Quyết định 4304/QĐ-UBND ngày 13/08/2019 của UBND TP Hà Nội | Quyết định 805/QĐ-UBND ngày 19/02/2020 của UBND TP Hà Nội |
|  | Thủ tục:Cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật. | QT-PBGD-02 |
| **VIII. TTHC THỰC HIỆN TẠI CƠ SỞ DỮ LIỆU HỘ TỊCH (01 TTHC)** |  |
|  | Thủ tục:Cấp bản sao trích lục hộ tịch (Cấp 2; 3; 4). | QT-TLHT-01 | Quyết định 4304/QĐ-UBND ngày 13/08/2019 của UBND TP Hà Nội | Quyết định 805/QĐ-UBND ngày 19/02/2020 của UBND TP Hà Nội |
| **LĨNH VỰC VĂN HÓA THÔNG TIN (05 TTHC)** |
|  | Thủ tục:Xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa hàng năm. | QT-VHTT-01 | Quyết định 3495/QĐ-UBND ngày 11/08/2020 của UBND TP Hà Nội |  |
|  | Thủ tục:Xét tặng Giấy khen Gia đình văn hóa. | QT-VHTT-02 |  |
|  | Thủ tục:Thông báo tổ chức lễ hội. | QT-VHTT-03 |  |
|  | Thủ tục:Đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 500 bản đến dưới 1.000 bản. | QT-VHTT-04 |  |
|  | Thủ tục:Công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở. | QT-VHTT-05 |  |
| **LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP (05 TTHC)** |
|  | Thủ tục:Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nôi trồng thủy sản ban đầu. | QT-NN-01 | Quyết định 5820/QĐ-UBND ngày 18/10/2019 của UBND TP Hà Nội | Quyết định 6090/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 của UBND TP Hà Nội |
|  | Thủ tục:Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng thiệt hại do dịch bệnh. | QT-NN-02 |
|  | Thủ tục:Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai. | QT-NN-03 |
|  | Thủ tục:Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm Nông nghiệp. | QT-NN-04 | Quyết định 394/QĐ-UBND ngày 20/01/2020 của UBND TP Hà Nội | Quyết định 1640/QĐ-UBND ngày 21/04/2020 của UBND TP Hà Nội |
|  | Thủ tục:Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa. | QT-NN-05 | Quyết định 1367/QĐ-UBND ngày 03/04/2020 của UBND TP Hà Nội | Quyết định 3594/QĐ-UBND ngày 17/08/2020 của UBND TP Hà Nội |
| **LĨNH VỰC DÂN TỘC (02 TTHC)** |
|  | Thủ tục:Công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số. | QT-DT-01 | Quyết định 2733/QĐ-UBND ngày 05/06/2018 của UBND TP Hà Nội |  |
|  | Thủ tục:Đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số. | QT-DT-01 |  |
| **LĨNH VỰC TÀI CHÍNH (01 TTHC)** |
|  | Thủ tục:Quyết định mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong trường hợp không phải lập thành dự án đầu tư. | QT-QLCS-01 | Quyết định 2389/QĐ-UBND ngày 10/06/2020 của UBND TP Hà Nội | Quyết định 4148/QĐ-UBND ngày 16/09/2020 của UBND TP Hà Nội |

**B- LĨNH VỰC KHÔNG NIÊM YẾT TẠI BỘ PHẬN TIẾP NHẬN & TRẢ KẾT QUẢ**

|  |  |
| --- | --- |
|  | **THỦ TỤC LIÊN THÔNG THÀNH PHỐ (15 TTHC)** |
|  | Thủ tục: Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú (thay đổi chủ hộ trong trường hợp người chết là chủ hộ). |  | Quyết định 4041/QĐ-UBND ngày 29/07/2019 của UBND TP Hà Nội về việc ban hành quy chế phối hợp thực hiện liên thông các thủ tục hành chính: đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất/hỗ trợ chi phí mai táng/hưởng mai táng phí trên địa bàn thành phố Hà Nội |
|  | Thủ tục: Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú (thay đổi chủ hộ trong trường hợp người chết là chủ hộ), hưởng trợ cấp tuất/mai táng phí (đối với người đang hưởng lương hưu, hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hàng tháng, trợ cấp hàng tháng theo quyết định 613/QĐ-TTG, quyết định số 91/2000/QĐ-TTG, người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, người bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội và người chờ đủ điều kiện về tuổi đời để hưởng lương hưu, trợ cấp hàng tháng tại quận, huyện, thị xã nơi khai tử). |  |
|  | Thủ tục: Đăng ký khai tử, hưởng trợ cấp tuất/mai táng phí (đối với người đang hưởng lương hưu, hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hàng tháng, trợ cấp hàng tháng theo quyết định 613/QĐ-TTG, quyết định số 91/2000/QĐ-TTG, người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, người bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội và người chờ đủ điều kiện về tuổi đời để hưởng lương hưu, trợ cấp hàng tháng tại quận, huyện, thị xã nơi khai tử). |  |
|  | Thủ tục: Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú (thay đổi chủ hộ trong trường hợp người chết là chủ hộ), hưởng mai táng phí, trợ cấp một lần (nếu có) đối với người có công với cách mạng từ trần (bao gồm thân nhân liệt sĩ đang hưởng trợ cấp hàng tháng). |  |
|  | Thủ tục: Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú (thay đổi chủ hộ trong trường hợp người chết là chủ hộ), hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội (được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng). |  |
|  | Thủ tục: Đăng ký khai tử, hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội (được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng). |  |
|  | Thủ tục: Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú (thay đổi chủ hộ trong trường hợp người chết là chủ hộ), hưởng mai táng phí đối với người trực tiếp tham gia kháng chiến chống mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng, Nhà nước theo quyết định số 290/2005/QĐ-TTG, quyết định số 188/2007/QĐ-TTG. |  |
|  | Thủ tục: Đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với người trực tiếp tham gia kháng chiến chống mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng, Nhà nước theo quyết định số 290/2005/QĐ-TTG, quyết định số 188/2007/QĐ-TTG. |  |
|  | Thủ tục: Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú (thay đổi chủ hộ trong trường hợp người chết là chủ hộ), hưởng mai táng phí đối với đối tượng thực hiện theo nghị định số 150/2006/NĐ-CP của chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của pháp lệnh cựu chiến binh. |  |
|  | Thủ tục: Đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng thực hiện theo nghị định số 150/2006/NĐ-CP của chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của pháp lệnh cựu chiến binh. |  |
|  | Thủ tục: Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú (thay đổi chủ hộ trong trường hợp người chết là chủ hộ), hưởng mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo quyết định số 62/2011/QĐ-TTG về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc ở Cam-pu-chia-a, giúp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc. |  |
|  | Thủ tục: Đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo quyết định số 62/2011/QĐ-TTG về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Cam-pu-chia-a, giúp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc.(*Phụ lục số 12*) |  |
|  | Thủ tục: Đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo quyết định số 62/2011/QĐ-TTG về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Cam-pu-chia-a, giúp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc.(*Phụ lục số 13*) |  |
|  | Thủ tục: Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú (thay đổi chủ hộ trong trường hợp người chết là chủ hộ), hưởng mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo quyết định số 49/2015/QĐ-TTG của thủ tướng chính phủ về một số chế độ, chính sách đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống pháp, chống mỹ, chiến tranh bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế. |  |
|  | Thủ tục: Đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo quyết định số 49/2015/QĐ-TTG của thủ tướng chính phủ về một số chế độ, chính sách đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống pháp, chống mỹ, chiến tranh bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế. |  |
|  | **LĨNH VỰC QUÂN SỰ (14 TTHC)** |
|  | Thủ tục: đăng ký nghĩa vụ quân sự lần đầu | QT-QS-01 | Quyết định 1291/QĐ-UBND ngày 07/10/2019 của UBND TP Hà Nội |  |
|  | Thủ tục: đăng ký phục vụ trong ngạch dự bị | QT-QS-02 |  |
|  |  Thủ tục: đăng ký nghĩa vụ quân sự bổ sung | QT-QS-03 |  |
|  | Thủ tục: đăng ký nghĩa vụ quân sự chuyển đi khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc học tập | QT-QS-04 |  |
|  | Thủ tục: đăng ký nghĩa vụ quân sự chuyển đến khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc học tập | QT-QS-05 |  |
|  | Thủ tục: đăng ký nghĩa vụ quân sự tạm vắng | QT-QS-06 |  |
|  | Thủ tục: đăng ký miễn gọi nhập ngũ thời chiến | QT-QS-07 |  |
|  | Thủ tục: trợ cấp đối với dân quân bị ốm hoặc đối với thân nhân khi dân quân bị ốm dẫn đến chết | QT-QS-08 |  |
|  | Thủ tục: trợ cấp đối với dân quân bị tai nạn hoặc đối với thân nhân khi dân quân bị tai nạn dẫn đến chết | QT-QS-09 |  |
|  | Thủ tục:Đăng kí tạm vắng đối với phương tiện kỹ thuật đã sắp xếp trong kế hoạch bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội (chủ phương tiện là cá nhân) | QT-QS-10 |  |
|  | Thủ tục:Xóa đăng kí tạm vắng đối với phương tiện kỹ thuật đã sắp xếp trong kế hoạch bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội (chủ phương tiện là cá nhân) | QT-QS-11 |  |
|  | Thủ tục:Giải quyết hưu trí hàng tháng đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhập ngũ từ ngày 30/4/1975 trở về trước, có đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ trước ngày 01/04/2000. | QT-QS-12 |  |
|  | Thủ tục:Thủ tục giải quyết chế độ hữu trí đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, có đủ từ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên xuất ngũ, thôi việc. | QT-QS-13 |  |
|  | Thủ tục:Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp 1 lần đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc làm nhiệm vụ quốc tế, có đủ từ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên xuất ngũ, thôi việc (đối tượng từ trần). | QT-QS-14 |  |